

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

BÓNG DÁNG CHÚA NGUYỄN HOÀNG TRÊN ĐẤT HUẾ

Phan Thuận An*

Mặc dù chúa Nguyễn Hoàng đã đứng chân trên đất Quảng Trị để điều hành guồng máy mở cõi về phía nam, nhưng vì uy tín và thế lực của ông lan tỏa ngày càng rộng lớn ở vùng đất Thuận-Quảng, và nhất là vì địa bàn Sông Hương Núi Ngự đã được hậu duệ của ông chọn làm kinh đô cả nước trong một thời gian dài sau đó, cho nên, chẳng những sự nghiệp và thanh danh của chúa Tiên đã được xiển dương trong sử sách, mà bóng dáng của ông cũng còn hiện hữu tại cố đô này qua một số chứng tích cụ thể. Đó là:

- Lăng Trường Cơ: nơi chôn cất chúa Nguyễn Hoàng.
- Thái Tổ Miếu: nơi thờ ông và các chúa Nguyễn kế nghiệp.
- Chùa Thiên Mụ: nơi phát xuất một số truyền thuyết liên quan đến chúa Tiên.

Chúng ta thử lần lượt tìm hiểu về từng chứng tích ấy qua sử sách cũng như trên thực địa.

1. Lăng Trường Cơ, nơi chôn cất chúa Nguyễn Hoàng

Quốc Sử Quán triều Nguyễn cho biết chúa Nguyễn Hoàng mất ngày Canh Dần, mùng 3 tháng 6 năm Quý Sửu, tức là ngày 20/7/1613. “Ở ngôi 56 năm, thọ 89 tuổi. Đầu thì an táng ở núi Thạch Hãn (xã thuộc huyện Hải Lăng), sau cải táng ở núi La Khê (xã thuộc huyện Hương Trà) (Năm Minh Mệnh thứ 2, phong núi ấy làm núi Khải Vận)”.⁽¹⁾ Theo các tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí*, núi Khải Vận còn có một tên cũ nữa là núi Kim Ngọc.⁽²⁾ Dù tên ngày xưa của địa điểm này là núi La Khê, núi Kim Ngọc hay núi Khải Vận, hiện nay lăng Trường Cơ của chúa Nguyễn Hoàng đang tọa lạc tại thôn La Khê Trẹm, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lăng nằm cách Trường THCS Hương Thọ chỉ khoảng 50m về phía đông nam. Nói là nó nằm ở chốn núi non, nhưng thật ra đây là một khu bán sơn địa tương đối bằng phẳng ở gần bờ Tả Trạch, thuộc hệ thống thủy đạo Sông Hương.

Theo các sử quan triều Nguyễn, vào mùa đông năm Canh Tuất (1790), lăng này và tất cả lăng mộ của các chúa Nguyễn khác đều bị nhà Tây Sơn đào lên, “mở lấy hài cốt quăng xuống vực” để triệt tiêu linh khí của dòng họ Nguyễn Phúc. Đến khi một hậu duệ của các chúa là Nguyễn Phúc Ánh tái chiếm Phú Xuân vào năm Tân Dậu (1801), ông “tức thì sai chọn ngày lành làm lễ cáo và an táng lại. Các lăng đều theo nền cũ mà xây cao lên”.⁽³⁾ Tất nhiên, trong các lăng đó, có lăng Trường Cơ.

Về mô thức cấu trúc chung của lăng mộ các chúa, Quốc Sử Quán thời Tự Đức đã mô tả một cách đại khái rằng: “theo thể chế cũ, thì hai lần thành bao bọc trong ngoài các tôn lăng đều hơi thấp, năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] sửa đắp cao lên đều 2,3 trượng [sic],⁽⁴⁾ trước mặt thành ngoài đặt thêm cửa có cánh”.⁽⁵⁾

* Thành phố Huế.

Không thấy sử sách nào cho biết rõ dưới thời các chúa Nguyễn (1558-1775), lăng mộ của họ đã được gọi bằng những mỹ từ gì. Chỉ biết được rằng vào năm 1806, vua Gia Long “mới đặt tên các lăng” (*sơ thượng chư lăng kim danh*) cho từng nơi an giấc nghìn thu của tổ tiên mình.⁽⁶⁾ Như vậy, lăng chúa Nguyễn Hoàng chỉ mới được đặt tên là lăng Trường Cơ kể từ năm 1806.

Kể từ năm 1613 đến nay, lăng mộ của chúa Tiên đã trải qua bao nổi thăng trầm:

- Hung táng ở Quảng Trị (1613).
- Cát táng bên bờ Sông Hương.
- Bị nhà Tây Sơn quật mộ, vứt hài cốt xuống sông (1790).
- Vua Gia Long cho xây lại lăng mộ (1801).
- Vua Minh Mạng cho nâng cấp ngôi lăng (1840).

Với hành động nghiệt ngã vào năm 1790 trong thời Tây Sơn, chắc hẳn hài cốt của vị chúa Nguyễn đầu tiên không còn sót lại một mảnh nào ở dưới lòng đất trong lăng của ông nữa.

Tuy nhiên, để kỷ niệm 400 năm ngày mất của vị chúa này (1613-2013), Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã chi ra gần 100 triệu đồng để trùng tu ngôi lăng ấy. Theo bản vẽ mặt bằng lăng Trường Cơ do cơ quan bảo tồn bảo tàng ấy đo vẽ và cung cấp, khu lăng mộ có hình chữ nhật và quay mặt về hướng bắc. Ngôi mộ nằm trong hai vòng thành ngoài cao trong thấp. Vòng ngoài dài 34,82m, rộng 30,80m, cao 2,35m, dày 1,25m, xây bằng đá núi (sơn thạch). Vòng trong dài 17,82m, rộng 15,20m, cao 2,10m, dày 0,90m, xây bằng gạch. Ở chính giữa là ngôi mộ cũng hình chữ nhật 3,36m x 2,32m, chia làm 2 cấp, xây bằng gạch. Trước mộ có hương án cũng xây bằng gạch. Cổng vào trong lăng được trở ở chính giữa mặt tiền thành ngoài, lòng cửa rộng 1,76m, đóng mở bằng 2 cánh làm bằng sắt mà chính giữa trang trí chữ 福 (Phúc) rất lớn (Hai cánh cổng này do Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc cho làm mới vào năm 2004). Sau cổng là bình phong tiền. Còn bình phong hậu thì có đến 2 bức, đều được thể hiện ở ngay quãng giữa mặt sau thành trong và thành ngoài. Ở phía trước lăng, trên lối vào có một cái sân hình chữ nhật (10,20m x 3,8m), lát gạch Bát Tràng. Đi đến cuối sân, người ta bước lên 3 bậc cấp xây bằng gạch mới đến cổng. Vào năm 2004, bà con Nguyễn Phúc tộc có dựng một tấm bia đá ở bên trái phía



Lăng Trường Cơ
nhìn từ phía trước. Ảnh PTA.



Phần mộ chúa Nguyễn Hoàng
bên trong lăng Trường Cơ. Ảnh PTA.

ngoài cổng để giới thiệu tên lăng và vài thông tin cần thiết nhất về nhân vật được cho là đang nằm dưới đây mồ.

2. Từ Thái Tổ Miếu đến long vị của chúa Nguyễn Hoàng

Thái Tổ Miếu, còn được gọi tắt là Thái Miếu, là nơi thờ Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn hậu duệ của ông. Không thấy tài liệu nào cho biết dưới thời các chúa kế nghiệp ấy, miếu thờ Nguyễn Hoàng đã được họ xây dựng như thế nào và ở đâu tại vùng đất Thuận Hóa. Chắc hẳn thế nào cũng có, nhưng có lẽ đã bị nhà Tây Sơn phá hủy khi các chúa bị đào mả vớt hài cốt xuống sông.

Quốc Sử Quán triều Nguyễn cho biết: khi Nguyễn vương Ánh tái chiếm được miền Nam trong tay nhà Tây Sơn và xây dựng “kinh thành Gia Định” (tức là thành Sài Gòn) vào năm 1790, ông có cho thiết lập Thái Miếu để thờ Nguyễn Kim ở giữa và chúa Nguyễn Hoàng cùng các chúa Nguyễn khác ở hai bên theo nguyên tắc “tả chiêu hữu mục” (hàng chiêu ở bên trái quan trọng hơn hàng mục ở bên phải). Đến khi tái chiếm Phú Xuân vào năm 1801, Nguyễn vương đã cho “tạm dựng Thái Miếu” cũng làm theo quy chế ấy, nhưng tài liệu không nói ngôi miếu được xây tại địa điểm cụ thể nào. Ba năm sau, tức là vào năm 1804, khi tổ chức một đợt quy hoạch và xây dựng tổng thể thành quách và cung điện ở kinh đô Phú Xuân, vua Gia Long đã cho xây dựng 4 ngôi miếu ở Hoàng Thành, trong đó Thái Miếu ở phía bên tả dùng để thờ các chúa từ chúa Nguyễn Hoàng trở xuống. Còn Nguyễn Kim (1468-1545), người có công sinh ra vị chúa Nguyễn đầu tiên thì được nhà vua cho xây dựng riêng một ngôi miếu ở phía sau Thái Miếu để thờ phụng, gọi là Triệu Tổ Miếu (cũng thường được viết tắt là Triệu Miếu) “để tỏ rõ rằng Thái Tổ là tự đó mà ra”.⁽⁷⁾

Phần chính của miếu thờ các chúa đã được Quốc Sử Quán triều Nguyễn mô tả như sau: “Thái Miếu ở phía tả điện Thái Hòa, trước Triệu Miếu, ngó về hướng nam, dựng năm Gia Long thứ 3 [1804], trùng tu trong niên hiệu Thành Thái [1889-1907]. Quy chế của miếu: Chánh dinh 13 gian, tiền dinh 15 gian, hai chái đông tây, chung đường mà khác thất, có 9 cái thất đều đặt thần khám. Ở giữa thờ Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế và Hoàng hậu”.⁽⁸⁾

Với 15 gian 2 chái, Thái Miếu là tòa nhà dài nhất ở Hoàng Thành nói riêng và kinh đô Huế nói chung (nền dài đến 65m, rộng 25m). Gian chính trung thờ Nguyễn Hoàng, 8 gian kế cận hai bên thờ 8 vị chúa kế nghiệp theo nguyên tắc “tả chiêu hữu mục”. Ở mỗi gian thờ, thiết trí một thần khám, bên trong có long vị ghi thụy hiệu của người được thờ. Trước thần khám là sập thờ và hương án, trên đó đặt nhiều đồ tự khí quý giá.

Tuy nhiên, Thái Miếu đã bị đốt cháy vào tháng 2/1947 trong chiến dịch tiêu thổ kháng chiến.⁽⁹⁾ Đến những năm 1970-1971, Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc đã tổ chức xây lại trên nền cũ một tòa nhà 5 gian 2 chái để thờ 9 chúa, nhưng vật liệu xây dựng có chất lượng kém, cho nên sau đó khoảng 5 năm thì tòa miếu bị mối mọt phá hỏng và ở trong tình trạng có thể sụp đổ bất cứ lúc nào. Do đó, người ta đã phải di chuyển các đồ tự khí được phục chế trong dịp xây mới ấy qua thờ tạm tại điện Long Đức là một trong những tòa nhà phụ ở trong khuôn viên Thái Miếu.

Bấy giờ, Triệu Miếu, nơi thờ Nguyễn Kim, cũng đã xuống cấp nghiêm trọng và cần trùng tu. Người ta cũng đã di chuyển các đồ tự khí tại đây qua thờ



Long vị của chúa Nguyễn Hoàng và vợ được thờ chung với long vị thân phụ và thân mẫu ông tại Triệu Miếu. Ảnh PTA.

xuống cấp và đang được gia cố bằng nhiều cột chống, nhưng các đồ tự khí thì vẫn còn rất tốt và giữ được màu sắc rực rỡ của sơn son thếp vàng, đặc biệt nhất là các thần khám và long vị.

Chúng tôi xác minh được một số thông tin ở đây nhờ đọc rõ những dòng chữ Hán ghi thụy hiệu của từng nhân vật quá cố trên mỗi một long vị.

Long vị chúa Nguyễn Hoàng mang dòng chữ:

太祖肇基垂統欽明恭懿謹義達理顯應昭祐耀靈嘉裕皇帝

(Thái Tổ Triệu Cơ Thùy Thống Khâm Minh Cung Ý Cẩn Nghĩa Đạt Lý Hiển Ứng Chiêu Hựu Diệu Linh Gia Dũ Hoàng Đế).

Long vị của bà vợ chúa Nguyễn Hoàng mang dòng chữ:

慈良光淑明德懿恭嘉裕皇后

(Từ Lương Quang Thục Minh Đức Ý Cung Gia Dũ Hoàng Hậu).

Trên đây là 2 trong số 21 thụy hiệu mà vua Gia Long đã truy tôn cho các vị tiền bối của mình thuộc thời các chúa từ Nguyễn Kim cho đến Nguyễn Phúc Thuần. Đợt truy tôn này đã được thực hiện vào tháng 6 năm Bính Dần, tức là tháng 7/1806. Chúng tôi thấy 2 dòng thụy hiệu trên đây hoàn toàn giống với 2 thụy hiệu của chúa Nguyễn Hoàng và của vợ ông được ghi chép trong sử sách.⁽¹⁰⁾

Vừa qua, vào sáng ngày 10/7/2013 (nhằm ngày húy nhật mồng 3 tháng 6 âm lịch hàng năm của chúa), tại Triệu Miếu, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phối hợp với Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc tổ chức lễ kỷ niệm 400 năm ngày mất của chúa Nguyễn Hoàng (1613-2013). Buổi lễ đã được cử hành một cách trọng thể và trang nghiêm với sự tham dự của khoảng 200 bà con thuộc dòng họ Nguyễn Phúc.

tạm tại điện Long Đức. Triệu Miếu được trùng tu từ năm 1983 đến năm 1985. Sau đó, nhân dịp lễ giỗ Nguyễn Kim vào năm 1989, Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc đã tổ chức một cuộc lễ cung nghinh tất cả đồ tự khí tại điện Long Đức về thiết trí ở nội thất Triệu Miếu. Trong đó, tất nhiên đồ tự khí thờ các chúa vẫn ở trong tình trạng thờ tạm mà thôi, vì nơi thờ chính thức của 9 chúa vẫn là Thái Miếu hiện đang có kế hoạch lập dự án trùng tu.

Cho nên, hiện nay (2013), nếu ai muốn dâng hương lên bàn thờ chúa Nguyễn Hoàng nhân dịp kỷ niệm 400 năm ngày mất của ông, người ta đều phải đến làm việc đó tại Triệu Miếu (vốn là nơi thờ thân phụ ông).

Gần đây, khi đến đó, chúng tôi thấy long vị chúa Nguyễn Hoàng và long vị của vợ ông được thờ chung với long vị của thân phụ và thân mẫu ông trong cùng một thần khám đặt ở gian giữa của ngôi miếu. Tuy tòa nhà đã



Quang cảnh buổi lễ kỷ niệm 400 năm ngày mất của chúa Nguyễn Hoàng (1613-2013) do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế phối hợp với Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc tổ chức tại Triệu Miếu, ngày 10/7/2013. Ảnh PTA.

3. Chùa Thiên Mụ, nơi phát xuất một số truyền thuyết liên quan đến chúa Nguyễn Hoàng

Thiên Mụ là đại danh lam lâu đời nhất và nổi tiếng nhất ở xứ Thuận Hóa nói riêng, ở Đàng Trong nói chung. Mãi đến ngày nay, khi đến viếng cảnh chùa này, người ta còn nghe kể khá nhiều huyền thoại liên quan đến lai lịch và quá trình tồn tại của nó, trong đó có hai truyền thuyết liên quan đến chúa Nguyễn Hoàng. Hai truyền thuyết này chẳng những được truyền miệng từ đời này sang đời khác, mà còn được ghi lại trong sử sách và chạm khắc vào bia đá hiện còn tại chỗ. Trong cả hai chuyện đều có sự xuất hiện của một người đàn bà lớn tuổi mà trong nguyên văn chữ Hán ghi là *Thiên ẩu* 天嫗 hoặc *Lão ẩu* 老嫗 đều mang dáng dấp một bà tiên từ trên trời xuống.

- Chuyện thứ nhất kể rằng vào mùa hè năm Tân Sửu (1601), chúa Nguyễn Hoàng “đạo xem hình thế núi sông, thấy trên cánh đồng bằng ở xã Hà Khê (thuộc huyện Hương Trà) giữa đồng bằng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn [Hương Giang], phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân thế hỏi chuyện người địa phương, họ có người đêm thấy một bà già áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh gò nói rằng: “Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng cho bền long mạch”. Nói xong bà già ấy biến mất. Bấy giờ nhân đấy mới gọi là núi Thiên Mụ. Chúa cho là núi ấy có linh khí mới dựng chùa gọi là chùa Thiên Mụ”.⁽¹¹⁾

Qua câu chuyện kể mang tính dân gian ấy, chúng ta thấy chúa Nguyễn Hoàng đã tự nhận mình là vị chân chúa như lời tiên liệu của bà tiên, và thời điểm đầu tiên ông cho xây dựng chùa Thiên Mụ là năm 1601.

- Chuyện thứ hai xuất hiện sau chuyện thứ nhất gần 3 thế kỷ, dưới thời vương triều Nguyễn. Có thể nói sự thành lập, mở mang và tồn tại của chùa Thiên Mụ đã gắn liền với lịch sử dòng họ Nguyễn Phúc trong suốt 344 năm (1601-1945) từ thời 9 chúa cho đến thời 13 vua. Hiện nay, nhà chùa vẫn còn bảo



Tấm bia khắc bài thơ ngự chế của vua Khải Định dựng tại chùa Thiên Mụ kể truyền thuyết liên quan đến chúa Nguyễn Hoàng. Ảnh PTA.

quản được khá nhiều pháp khí, pháp tượng và những pháp bảo khác do các đời vua chúa nhà Nguyễn tiến cúng. Trong đó, có giá trị nhất về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật là những chuông đồng và bia đá. Riêng về bia đá, tại chùa hiện có 5 tấm: tấm bia cổ nhất được khắc dựng vào năm 1715 thời chúa Nguyễn Phúc Chu và tấm bia muộn nhất được khắc dựng vào năm 1920 thời vua Khải Định. Chính trên tấm bia này có khắc ghi một huyền thoại gắn liền quan đến chúa Nguyễn Hoàng.

Nội dung chính của tấm bia là một bài thơ thất ngôn bát cú mà vua Khải Định đã ngự chế để ca tụng vẻ đẹp siêu thoát của ngôi cổ tự này khi nhà vua lên đây viếng cảnh vào ngày rằm tháng 9 năm Kỷ Mùi, tức là ngày 7/11/1919. Sau đó, bài thơ được khắc vào bia đá và dựng tại chùa vào ngày 27 tháng 11 năm Khải Định thứ 4, tức là ngày 17/1/1920.

Nhan đề được khắc ở đầu tấm bia là “Ngự chế Thiên Mụ tự Phước Duyên tháp lâm hạnh ngẫu thành nhất luật tịnh tự”, nghĩa là bài thơ ngẫu thành nhất luật tịnh tự.

Đường luật và bài tựa vua làm về tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ nhân ngẫu hứng khi đến thăm. Trong bài tựa ở phần đầu, có một đoạn nguyên văn như sau:

奉我太祖嘉裕皇帝以橫山清吟決計圖南世傳帝遇天姬于此贈香一株囑帝持香沿江岸東行到香盡處可都都成而寺興焉敕建寺奉佛命名天姥山靈姥寺

Phiên âm:

Phụng ngã Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế dĩ Hoành Sơn thanh ngâm quyết kế đồ nam. Thế truyền đế ngộ thiên ẩu vu thử, tặng hương nhất chu, chúc đế trì hương duyên giang ngạn đông hành, đáo hương tận xứ khả đô. Đô thành nhi tự hưng yên. Sắc kiến tự phụng Phật, mạng danh Thiên Mụ sơn Linh Mụ tự.

Dịch nghĩa:

Đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế của ta đã lấy câu nói về Hoành Sơn⁽¹²⁾ để quyết chí thực hiện kế hoạch mở mang cơ đồ về phương nam. Người ta kể rằng ngài đã gặp một người đàn bà từ trên trời xuống tại đây, cho ngài một cây hương, dặn ngài rằng hãy cầm cây hương đi về phía đông dọc theo bờ sông, đến chỗ hương tàn thì đóng đô. Khi đóng đô xong thì dựng chùa ở đây. Ngài hạ lệnh xây chùa thờ Phật, cho đặt tên núi ấy là núi Thiên Mụ và chùa ấy là chùa Linh Mụ.

Chuyện kể này có vài chi tiết không đúng với sự thật của lịch sử:

- Một là, dưới thời chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613), chúa đã định dinh ở lưu vực sông Thạch Hãn, chứ chưa bao giờ “đóng đô” bên bờ sông Hương.
- Hai là, dưới thời chúa Nguyễn Hoàng, chưa hề có danh xưng chùa Linh Mụ. Mãi đến năm 1862, vua Tự Đức cho rằng “trời đất là chữ xung hô rất cao,

rất lớn, sai các văn thư, các tên đất đều phải đổi tránh, để tỏ ra kính cẩn”.⁽¹³⁾ Từ năm đó, tên chùa Thiên Mụ mới đổi ra là Linh Mụ, nhưng cũng chỉ đổi trong một thời gian có 7 năm.⁽¹⁴⁾

Với những xáo trộn lịch sử như vừa nêu, và với sự giao tiếp giữa người và tiên trong cả hai câu chuyện, đây đúng là những huyền thoại. Có lẽ đó là những huyền thoại do các vua chúa hậu duệ hoặc thần dân của chúa Nguyễn Hoàng phóng tác để thần thánh hóa ông thành vị “chân chúa”.

Với tài năng và đức độ của mình trong việc quản lý lãnh địa, chúa Nguyễn Hoàng chẳng những được người đương thời thần thánh hóa mà còn thần tiên hóa nữa. Sử sách cho biết rõ rằng ngay từ lúc ông còn tại vị, nhân dân Thuận Hóa - Quảng Nam đã tôn xưng ông là chúa Tiên (nguyên văn chữ Hán viết là 時稱僊主 - *thời xưng Tiên Chúa*).⁽¹⁵⁾ Sau đó, người ta còn vinh danh ông là “Tiên Vương 僊王”, chẳng hạn như trong tập thơ *Hoài Nam khúc* do Thai Dương xử sĩ Hoàng Quang sáng tác tại vùng đất Phú Xuân vào những thập niên cuối thế kỷ XVIII.⁽¹⁶⁾ *Hoài Nam khúc* đã được mở đầu bằng những câu sau đây:

*Ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ,
Tưởng cơ đồ Nguyễn chúa thêm thương.
Ngùi ngùi nhớ Đức Tiên Vương,
Công phu chỉ ngõ mở đường vào đây.*

Nhân dân bấy giờ đã tôn xưng Nguyễn Hoàng là Tiên Chúa hoặc Tiên Vương, suy cho cùng chẳng qua là để ca ngợi tấm lòng độ lượng và công lao mở nước của ông.

Ngoài lăng mộ, miếu thờ và truyền thuyết liên quan đến chúa Nguyễn Hoàng như vừa được trình bày trên đây, tên của ông còn được người Huế dùng để đặt cho cầu Trường Tiền thuở trước và cho con đường chạy qua dốc Bến Ngự (vốn là Nam Giao cự lộ). Nhưng vào năm 1977, tên đường Nguyễn Hoàng ấy bị xóa bỏ và thay bằng tên đường Phan Bội Châu. Từ năm 1996, tên gọi Nguyễn Hoàng lại được dùng để đặt cho con đường dài 1.100m ở vùng Kim Long. Những đổi thay ấy nói lên các quan niệm khác nhau của từng giai đoạn về nhân vật Nguyễn Hoàng. Ấu đó cũng là sự thăng trầm của lịch sử.

Nếu nhìn rộng ra một chút, chúng ta thấy bối cảnh lịch sử rối ren trên chính trường đất Bắc vào các thế kỷ XVI-XVII đã đẩy đưa Nguyễn Hoàng vào Nam, để rồi với tài đức của mình, ông đã tạo ra được một sự nghiệp vẻ vang trên con đường nam tiến của dân tộc. Với những thành quả lẫy lừng mà chúa Tiên đã đạt được trong quá trình cùng đồng hương và bá tánh mang gươm đi mở nước, ông xứng đáng được tôn vinh là vị Khai canh của đất Thuận-Quảng nói riêng và Đàng Trong nói chung.

P T A

CHÚ THÍCH

- (1) *Đại Nam thực lục*, tập I (Tiền biên), bản dịch của Viện Sử học, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 44. Nguyên văn chữ Hán như sau: 在位五十六年壽八十有九初寧陵于石捍社名屬海陵縣山後改寧陵于羅溪社名屬香茶縣山明命二年封其山為啟運山 (Tại vị ngũ thập lục niên, thọ bát thập hữu cửu. Sơ ninh lăng vu Thạch Hãn (xã danh thuộc Hải Lăng huyện) sơn. Hậu cải ninh lăng vu La Khê (xã danh thuộc Hương Trà huyện) sơn. Minh Mạng nhị niên phong kỳ sơn vi Khải Vận sơn) (*Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 1, tờ 24 ab).
- (2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (thời Tự Đức), bản dịch của Viện Sử học, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1969, tập I, tr. 106.

- (3) *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, 1963, tr. 439-440.
- (4) Ở đây, chữ “thước” 尺 (xích) đã bị in nhầm thành chữ “trượng” 丈.
- (5) *Đại Nam nhất thống chí*, Sdd, tập I, tr. 32. Các tác giả thời Duy Tân đã chép lại hầu như nguyên văn từ sách của thời Tự Đức như đã được dịch ở trên. Không có được nguyên bản chữ Hán của thời Tự Đức, chúng tôi xin chép lại đoạn chữ Hán trong bộ sách thứ hai để bạn đọc tham khảo: 舊制諸尊陵內外葆城二重皆稍低明命二十一年修築加高各二三尺外重前面增設門扉 (Quyển 1, Kinh sử, tờ 26b). *Phiên âm*: Cựu chế, chư tôn lăng nội ngoại bảo thành nhị trùng giai sảo đề. Minh Mạng nhị thập nhất niên, tu trúc gia cao các nhị tam xích. Ngoại trùng tiền diện, tăng thiết môn phi (Xem bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, *Đại Nam nhất thống chí*, Kinh sử, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 53).
- (6) *Đại Nam nhất thống chí*, Sdd.
- (7) *Đại Nam thực lục*, Sdd, Hà Nội, tập III, 1963, tr. 171-172.
- (8) *Đại Nam nhất thống chí* thời Duy Tân, nguyên bản chữ Hán, quyển 1, tờ 8b, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, đã dẫn, tr. 25.
- (9) Nguyễn Bá Chí, “Compte-rendu d’une mission à Hué”, *Le Peuple Vietnamien*, No 1, Mai 1948, Édité par l’École Française d’Extrême-Orient, Hanoi, p. 84. Thái Văn Kiểm, *Cố đô Huế*, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 52.
- (10) *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập III, tr. 291-302; xem thêm tập I, đã dẫn, tr. 45, nguyên bản chữ Hán, quyển 1, tờ 25 ab.
- (11) *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 42. Xem nguyên bản chữ Hán, *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 1, tờ 20 ab.
- (12) Ý muốn nhắc đến câu nói của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm khi Nguyễn Hoàng cho người về Hải Dương để vấn kế trước ngày vào Nam: “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân” (Một dải núi ngang, có thể dung thân đến muôn đời).
- (13) *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập XXIX, tr. 278.
- (14) *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển đã dẫn, tờ 6 b.
- (15) *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển đã dẫn, tờ 6 b, xem thêm bản dịch đã dẫn, tập I, tr. 32.
- (16) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, quyển 6, tờ 22 ab, xem thêm bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, tập 1, tr. 190-191. Về nhân vật Hoàng Quang, các sử thần thời Duy Tân đã viết tóm tắt như sau: “Hoàng Quang người huyện Hương Trà; siêu việt có khí thức, khi nhỏ siêng học, nghĩa lý yêm bác, hay văn chương, sở trường quốc âm. Tây Sơn Nguyễn Huệ vờ, ông không đến, vì thấy nguy chính phiên hà, và nhân tâm còn mến đức chính cũ (triều Nguyễn), bèn làm ra *Hoài Nam khúc*, từ ý rất bi tráng, người đều truyền tụng” (*Đại Nam nhất thống chí*, *Thừa Thiên phủ*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1961, tập trung, tr. 38.)

TÓM TẮT

Bài viết khảo cứu các chứng tích liên quan đến chúa Nguyễn Hoàng trên đất Huế qua sử sách cũng như trên thực địa. Đó là lăng Trường Cơ, nơi chôn cất chúa Nguyễn Hoàng; Thái Tổ Miếu, nơi thờ Nguyễn Hoàng và các chúa kế nghiệp; chùa Thiên Mụ, nơi phát xuất một số truyền thuyết liên quan đến chúa Tiên.

Với những thành quả lẫy lừng mà chúa Nguyễn Hoàng đã đạt được trong quá trình tạo dựng cơ đồ của dòng họ và mở nước về phương nam, ông xứng đáng được tôn vinh là vị Khai canh của vùng đất Thuận-Quảng nói riêng và Đàng Trong nói chung.

ABSTRACT

THE IMAGE OF LORD NGUYỄN HOÀNG IN HUẾ

This paper examines the evidence related to Lord Nguyễn Hoàng in Huế in history as well as in the field, including Trường Cơ Royal tomb, the burial place of Lord Nguyễn Hoàng; Thái Tổ Miếu Temple where Lord Nguyễn Hoàng and his successors are worshipped; Thiên Mụ Pagoda, where some legends related to him were created.

With the resounding success that Lord Nguyễn Hoàng achieved in the process of building his realm and expanding the nation to the south, he deserves to be honored as the founder of the new land of Thuận-Quảng in particular and Cochinchina in general.